TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 403/2020/HC-PT
Ngày: 20/11/2020
V/v Tranh chấp Bảo hiểm xã hội

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;
Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Bà Vũ Thị Thu Hà.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Mai, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 136/2020/TLPT-HC ngày 05 tháng 3 năm 2020, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 197/2019/HC-ST ngày 28 tháng 9 năm 2019 của Toà án nhân dân thành phố H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 8268/2020/QĐ-PT ngày 05/11/2020 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Hoàng Anh T, sinh năm 1954; đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 56A phố T2, phường T1, quận H1, thành phố H; tạm trú: Số 10 ngõ 379 phố M, phường V, quận H2, thành phố H; địa chỉ hiện nay: Phòng 2205 – CT 2B, chung cư N, số 609 T4, phường T3, quận H3, thành phố H; có mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Hoàng Anh T5, sinh năm 1985; đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 56A phố T2, phường T1, quận H1, thành phố H (Giấy ủy quyền ngày 29/10/2019); có mặt.

Người bị kiện: Bảo hiểm xã hội thành phố H.

Địa chỉ: Số 06 đường T6, phường H5, quận H4, thành phố H; người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đức H6; chức vụ: Giám đốc;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Đức T7, chức vụ: Phó Giám đốc (Giấy ủy quyền ngày 27/7/2020); có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

- Ủy ban nhân dân quận H1, thành phố H;

Người đại diện theo pháp luật là ông Hoàng Chí L, chức vụ: Chủ tịch;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức T8, chức vụ: Phó Trưởng phòng Nội vụ (Văn bản ủy quyền số 1838/QĐ-UBND ngày 26/7/20219); vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân phường C, quận H1, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn An T9, chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân phường T1, quận H1, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật là bà Phùng Phương T10, chức vụ: Chủ tịch; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Hoàng Anh T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Hoàng Anh T tham gia quân đội và chiến đấu tại chiến trường miền Đông Nam Bộ từ tháng 01/1972 đến tháng 8/1977. Từ tháng 5/1978 đến tháng 8/1981, ông chuyển ngành về công tác tại Viện thiết kế công trình Bộ lâm nghiệp. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn, ông T đã viết đơn xin nghỉ việc nhưng cơ quan không giải quyết và không cho ông được hưởng chế độ gì. Từ tháng 12/1981 đến tháng 9/1987, ông tham gia công tác tại Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) phường C, quận H1, thành phố H với các chức danh Ủy viên Ủy ban nhân dân phụ trách về quân sự của phường C, phụ trách điện. Từ tháng 10/1987, ông chuyển sang công tác tại UBND phường T1 đến tháng 10/2008 với các chức danh cụ thể:

- Từ năm 1987 đến năm 1989: Trưởng ban văn hóa thông tin.

- Từ năm 1989 đến năm 1997: Cán bộ hộ tịch tư pháp.

- Từ tháng 02/1997 đến tháng 10/2008: Phó chủ tịch UBND phường T1 (ngày 01/4/1997, ông được tuyển dụng chính thức là viên chức Nhà nước theo Quyết định số 256/QĐ-TCCQ của Ban Tổ chức chính quyền thành phố H).

- Từ tháng 11/2008 đến tháng 10/2014: Phó ban quản lý khu vực hồ H1.

Ngày 17/9/2014, ông nhận được Quyết định số 20001411534/QĐ-BHXH ngày 17/9/2014 của cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố H về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng. Theo nội dung của quyết định, mức lương hưu hàng tháng ông được hưởng là 2.548.584đồng; Thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông được tính từ ngày 01/01/1994 đến hết ngày 31/10/2014.

Ông T khiếu nại cho rằng Bảo hiểm xã hội thành phố H đã tính không chính xác thời gian ông tham gia bảo hiểm, từ đó dẫn đến tính sai mức lương hưu hàng

tháng mà ông được hưởng. Vì vậy, ông đã làm đơn khiếu nại về vấn đề nêu trên gửi đến Bảo hiểm xã hội thành phố H.

Ngày 09/10/2014, Bảo hiểm xã hội thành phố H đã ban hành Quyết định số 1275/QĐ-BHXH về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Anh T với nội dung không chấp nhận khiếu nại và giữ nguyên việc ghi thời gian công tác trong sổ bảo hiểm xã hội đã cấp cho ông với lý do: Trong thời gian công tác từ tháng 01/1972 đến tháng 8/1981, do ông tự ý thôi việc theo nguyện vọng cá nhân, nên căn cứ điểm c mục 12 phần 2 Thông tư số 13/NV ngày 04/9/1972 của Bộ Nội vụ thì trường hợp tự ý thôi việc không được tính là thời gian công tác liên tục, mà chỉ tính là thời gian công tác nói chung. Thời gian công tác từ tháng 6/1984 đến tháng 12/1993, ông công tác tại UBND phường C và UBND phường T1, nhưng không có quyết định thuyên chuyển công tác (giai đoạn từ năm 1984 đến năm 1986), không có quyết định tuyển dụng mà chỉ làm việc theo hợp đồng lao động (giai đoạn từ năm 1987 đến năm 1993). Vì vậy, thời gian công tác trước năm 1994 của ông T không được tính là thời gian đã tham gia bảo hiểm xã hội.

Không đồng ý với nội dung giải quyết khiếu nại số 1275/QĐ-BHXH ngày 09/10/2014 của Bảo hiểm xã hội thành phố H, ông Hoàng Anh T đã làm đơn khởi kiện quyết định số 20001411534/QĐ-BHXH ngày 17/9/2014 của Bảo hiểm xã hội thành phố H về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng, yêu cầu xem xét, đánh giá đúng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội của ông, để xác định chính xác mức lương hưu hàng tháng ông được hưởng.

Đại diện người bị kiện là Bảo hiểm xã hội thành phố H trình bày:

Bảo hiểm xã hội thành phố H tiếp nhận hồ sơ giải quyết chế độ hưu trí đối với ông Hoàng Anh T là Phó trưởng ban quản lý khu vực hồ H1. Trên cơ sở hồ sơ do cơ quan ông Hoàng Anh T nộp gồm có:

- Sổ Bảo hiểm xã hội (sau đây gọi tắt là BHXH) số 0114003265 mang tên Hoàng Anh T.

- Quyết định nghỉ việc số 1922/QĐ-UBND ngày 12/8/2014 của UBND quận H1, thành phố H đối với ông Hoàng Anh T.

Bảo hiểm xã hội thành phố H đã áp dụng các Điều 50, 52, 58 Luật bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và các Điều 26, 28, 31 Nghị định 152/2006/NĐ-CP ngày 22/12/2006 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc để ban hành Quyết định số 20001411534/QĐ-BHXH ngày 17/9/2014 về việc hưởng lương hưu hàng tháng đối với ông Hoàng Anh T. Theo đó ông Hoàng Anh T được hưởng lương hưu hàng tháng kể từ ngày 01/11/2014, với mức lương hưu 2.548.000 đồng/tháng về nội dung là hoàn toàn phù hợp với Luật Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

Ông T cho rằng ông có thời gian công tác trước năm 1993, nhưng không được Bảo hiểm xã hội thành phố H tính cho ông được hưởng bảo hiểm xã hội với lý do:

Thời gian từ tháng 1/1972 đến tháng 8/1981: Ông T công tác trong quân đội sau đó chuyển ngành về Bộ Lâm nghiệp, tới tháng 8/1981 ông thôi việc theo nguyện vọng cá nhân.

Căn cứ điểm c mục 12 phần 2 Thông tư số 13/NV ngày 04/9/1972 của Bộ Nội vụ và Công văn số 397/TTr-BHXH ngày 23/6/2014 của Thanh tra Bộ Lao Động, Thương binh và xã hội trả lời ông Hoàng Anh T thì thời gian này không được tính BHXH.

Thời gian từ tháng 6/1984 đến tháng 12/1993 ông T trình bày ông là Ủy viên UBND phụ trách quân sự phường C thuộc quận H1; Trưởng ban văn hóa thông tin; Phó ban tư pháp chuyên trách hộ tịch phường T1 thuộc quận H1, thành phố H. Tuy nhiên, hồ sơ bảo hiểm thể hiện từ năm 1984 đến năm 1986 có bản sao Quyết định số 418/QĐ-TCCQ ngày 07/6/1984 của UBND quận H1 phê chuẩn các chức danh định biên UBND phường C trong đó ông Hoàng Anh T có tên trong mục các Ủy viên khác, nhưng sau đó không có quyết định của cơ quan có thẩm quyền điều động ông T chuyển công tác sang UBND phường T1.

Từ năm 1987 đến năm 1993: Ông T không xuất trình được quyết định phê chuẩn các chức danh định biên của phường T1, mà chỉ xuất trình hợp động lao động ký từng năm (1987, 1989, 1990, 1991, 1992, 1993) nhưng chung một mẫu hợp đồng. Hợp đồng ký năm 1990 nhưng thể hiện bằng mẫu hợp đồng theo Quyết định số 207/LĐ-TBXH ngày 02/4/1993 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương Binh và xã hội. Do vậy, các hợp đồng lao động này là không hợp lệ.

Với những căn cứ nêu trên, Bảo hiểm xã hội thành phố H thấy rằng về chế độ chính sách để tính bảo hiểm xã hội cho ông T không có gì vướng mắc, chỉ có thủ tục hồ sơ giấy tờ của ông T là không hợp lệ, nên không có cơ sở để tính thời gian công tác liên tục cho ông T là thời gian công tác được hưởng Bảo hiểm xã hội từ năm 1981 đến năm 1993 nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Anh T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Đại diện Ủy ban nhân dân quận H1, thành phố H trình bày: Theo hồ sơ lưu trữ tại UBND quận H1 thì hồ sơ cán bộ của ông Hoàng Anh T có quyết định số 07/PV ngày 17/7/1977 của Đoàn La Ngà, Quyết định số 795/ QĐQL ngày 12/5/1978 của Ban chỉ huy quân sự Hà Sơn Bình; Phiếu đăng ký để lập hồ sơ trợ cấp phục viên chuyển ngành của ông T; Đơn xin xác nhận thời gian công tác của ông T gửi Công ty ván nhân tạo; Hợp đồng lao động giữa UBND phường T1 với ông T (từ năm 1987 đến năm 1993); Biên bản về việc bầu cử UBND nhiệm kỳ 1984- 1986 tại UBND phường C; Quyết định số 418/QĐ-TCCQ ngày 07/06/1984; Quyết định công nhận tốt nghiệp, xác nhận thời gian công tác của ông T. Đại diện UBND quận H1 đề nghị Tòa án căn cứ để tính cho ông T được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội liên tục.

Đại diện Ủy ban nhân dân phường C trình bày: Hiện nay hồ sơ cán bộ của ông Hoàng Anh T không tìm thấy hồ sơ lưu trữ tại UBND phường C, đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Ủy ban nhân dân phường T1 xác nhận ông Hoàng Anh T công tác tại UBND phường T1 từ tháng 10/1987 đến hết tháng 10/2008 đã trải qua các chức vụ: Trưởng ban văn hóa thể thao phường, cán bộ hộ tịch tư pháp phường, phó chủ tịch UBND phường khóa 5, khóa 6, khóa 7. Toàn bộ hồ sơ cán bộ liên quan đến ông Hoàng Anh T hiện nay ủy ban không lưu giữ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 197/2019/HC-ST ngày 28/9/2019, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 3; Điều 30, 32, 116, 204, 206 Luật Tố tụng hành chính; điểm 12 Thông tư 13/NV thông ngày 04/9/1972 của Bộ Nội Vụ; Luật bảo hiểm xã hội Việt nam; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Xử: Bác yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Anh T về việc hủy Quyết định số 20001411534/QĐ-BHXH ngày 17/9/2014 của Bảo hiểm xã hội về hưởng chế độ hưu trí hàng tháng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2019, người khởi kiện là ông Hoàng Anh T kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là ông Hoàng Anh T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đề nghị hủy Quyết định số 20001411534/QĐ-BHXH ngày 17/9/2014 của Bảo hiểm xã hội về chế độ hưu trí hàng tháng đối với ông vì có căn cứ để khẳng định giai đoạn công tác từ tháng 01/1972 đến tháng 12/1993 của ông là thời gian được hưởng chế độ lương hưu hàng tháng. Quyết định số 20001411534/QĐ-BHXH ngày 17/9/2014 nêu trên không đảm bảo quyền lợi bảo hiểm xã hội của ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tại phiên tòa, qua thẩm vấn công khai xác định hồ sơ liên quan đến chế độ bảo hiểm xã hội đối với ông Hoàng Anh T theo Phòng Nội vụ xác nhận là thất lạc. Quá trình giải quyết vụ án, đại diện Bảo hiểm xã hội thành phố H thừa nhận về chế độ chính sách để tính bảo hiểm xã hội cho ông T không có gì vướng mắc, chỉ có thủ tục hồ sơ giấy tờ của ông T là không hợp lệ. Tuy nhiên, thời điểm ban hành Quyết định số 20001411534/QĐ-BHXH ngày 17/9/2014, Bảo hiểm xã hội chưa có đầy đủ cơ sở để tính thời gian công tác từ năm 1972 đến năm 1993 của ông T là thời gian công tác liên tục để ông được hưởng quền lợi Bảo hiểm xã hội, cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố H sẽ xem xét bảo đảm quyền lợi cho người lao động theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính, không chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Anh T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quyết định số 20001411534/QĐ-BHXH ngày 17/9/2014 của cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố H là quyết định hành chính cá biệt theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Luật Tố tụng Hành chính. Tòa án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Bản án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện, về quyết định hành chính, hành vi hành chính liên quan, về tư cách đương sự đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định tại chương VI Luật tố tụng hành chính.

[3] Đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[4] Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện thời gian công tác của ông Hoàng Anh T cụ thể như sau:

Từ tháng 1/1972 đến tháng 8/1977, ông Hoàng Anh T tham gia quân đội với thời gian 05 năm 08 tháng; từ tháng 5/1978 đến tháng 8/1981, ông công tác tại Đội Khảo sát thiết kế 4, Viện Thiết kế công trình (nay là Công ty Chế biến ván nhân tạo) thuộc Bộ Lâm nghiệp; từ tháng 12/1981 đến tháng 7/1987, phụ trách điện, Ủy viên quân sự của Ủy ban nhân dân phường C, Ủy ban nhân dân quận H1, thành phố H; từ tháng 8/1987 đến tháng 10/2008, lần lượt là cán bộ Văn hóa thông tin, Tư pháp hộ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T1, quận H1, thành phố H; từ tháng 11/2008 đến tháng 4/2013 là Phó Trưởng ban Quản lý khu vực hồ H1, quận H1, thành phố H.

[5] Ngày 17/9/2014, ông T nhận được Quyết định số 20001411534/QĐ-BHXH của cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố H về việc hưởng chế độ hưu trí hàng tháng. Theo nội dung của quyết định thì thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông được tính từ ngày 01/01/1994 đến hết ngày 31/10/2014. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc là 20 năm 10 tháng, tỷ lệ tính lương hưu là 57% với mức lương hưu hàng tháng ông T được hưởng là 2.548.584 đồng, kể từ tháng 11/2014. Ông T cho rằng Bảo hiểm xã hội thành phố H đã tính không chính xác thời gian ông tham gia bảo hiểm, từ đó dẫn đến tính sai mức lương hưu hàng tháng mà ông được hưởng nên khiếu nại. Ngày 09/10/2014, Bảo hiểm xã hội thành phố H đã ban hành Quyết định số 1275/QĐ-BHXH về việc giải quyết khiếu nại của ông Hoàng Anh T với nội dung không chấp nhận khiếu nại và giữ nguyên việc ghi thời gian công tác trong sổ bảo hiểm xã hội đã cấp cho ông nên ngày 02/12/2014, ông T khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 20001411534/QĐ-BHXH ngày 17/9/2014 của cơ

quan Bảo hiểm xã hội thành phố H. Tòa án sơ thẩm xác định Quyết định số 20001411534/QĐ-BHXH ngày 17/9/2014 của Bảo hiểm xã hội thành phố H về chế độ hưu trí hàng tháng đối với ông Hoàng Anh T được ban hành đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền là có căn cứ quy định tại Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 và Quyết định số 4857/QĐ - BHXH ngày 21/10/2008 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

[6] Ông Hoàng Anh T tham gia quân đội với thời gian 05 năm 08 tháng và từ tháng 5/1978 đến tháng 8/1981, ông công tác tại Đội Khảo sát thiết kế 4, Viện Thiết kế công trình (nay là Công ty Chế biến ván nhân tạo) thuộc Bộ Lâm nghiệp nhưng sau đó ông nghỉ việc vì hoàn cảnh gia đình. Việc ông T nghỉ việc tại Viện thiết kế công trình Bộ Lâm nghiệp không phải do yêu cầu của cơ quan nên Bảo hiểm xã hội thành phố H xác định thời gian công tác của ông T trước khi nghỉ việc không được tính là thời gian công tác liên tục để đóng bảo hiểm xã hội là có căn cứ quy định tại điểm 18 khoản 9 Điều 1 Thông tư số 41/2009/TT-BLĐTBXH ngày 31/12/2009 của Bộ Lao động, Thương binh - Xã hội và hướng dẫn tại tiết c, điểm 12 Thông tư số 13/NV ngày 4/9/1972 của Bộ nội vụ hướng dẫn về việc tính thời gian công tác liên tục.

[7] Văn bản xác nhận của Phòng Nội vụ quận H1, thành phố H thể hiện từ tháng 12/1981 đến khi nghỉ hưu, ông T công tác tại phường C và phường T1 nhưng hồ sơ cán bộ của ông T có những giai đoạn không còn lưu giữ. Thời điểm ban hành Quyết định số 20001411534/QĐ-BHXH ngày 17/9/2014, hồ sơ bảo hiểm xã hội của ông T không có đủ cơ sở để chấp nhận tính liên tục trong công tác từ tháng 12/1981, cụ thể, quá trình chuyển công tác không có quyết định điều chuyển từ đơn vị cũ sang đơn vị mới của cấp có thẩm quyền, không có quyết định phê chuẩn chức danh, Hợp đồng lao động ông ký hằng năm từ năm 1987 đến năm 1996 nhưng các Hợp đồng lao động ký năm 1987 đến năm 1993 lại theo mẫu của Hợp đồng lao động năm 1993 là không hợp lệ. Như vậy, mặc dù thực tế ông T có quá trình công tác như ông trình bày nhưng hồ sơ chứng minh việc ông đã tham gia đóng bảo hiểm xã hội giai đoạn trước 1994 hiện nay chưa đầy đủ như chưa có xác nhận của cơ quan quản lý người lao động về diễn biến tiền lương, việc chưa nhận trợ cấp thôi việc, trợ cấp một lần, một số tài liệu không hợp lệ. Tại Công văn số 216/NV ngày 05/4/2013 của Phòng Nội vụ quận H1 xác nhận căn cứ vào hồ sơ gốc và các bản xác nhận của Thủ trưởng đơn vị cũ, ông Hoàng Anh T có thời gian công tác liên tục từ tháng 12/1981 đến năm 2013 và Phòng Nội vụ chịu trách nhiệm về thời gian công tác của ông Hoàng Anh T nêu trên; Công văn số 397/TTR- BHXH ngày 23/6/2014 của thanh tra Bộ Lao động, thương Binh và xã hội trả lời đơn của ông T về thời gian công tác cũng xác nhận "từ tháng 12/1981 đến nay (23/6/2014), ông đã trải qua các thời gian làm việc tạm tuyển, hợp đồng và được tuyển dụng chính thức là viên chức từ năm 1997, nên thời gian công tác của ông từ tháng 12/1981 đến nay được tính là thời gian công tác liên tục" nhưng chưa có xác nhận chi tiết của cơ quan quản lý, sử dụng lao động về quá trình tham gia đóng bảo hiểm xã hội của ông Hoàng Anh T để cơ quan bảo hiểm xã hội có cơ sở xác định thời gian và mức đóng bảo hiểm xã hội của ông T. Vào thời điểm ban hành Quyết định số

20001411534/QĐ- BHXH ngày 17/9/2014, Bảo hiểm xã hội thành phố H đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về chế độ hưởng lương hưu đối với cá nhân ông Hoàng Anh T. Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 20001411534/QĐ-BHXH ngày 17/9/2014 nêu trên là có căn cứ.

[10] Tuy nhiên, sau khi cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố H ban hành Quyết định số 20001411534/QĐ-BHXH về chế độ hưu trí hàng tháng đối với ông Hoàng Anh T, ngày 11/11/2015 Chính phủ ban hành Nghị định 115/2015/NĐ-CP quy định đối với trường hợp không còn hồ sơ gốc thể hiện quá trình công tác trước ngày 01/01/1995 thì cơ quan quản lý người lao động giải trình lý do bị mất, xác nhận về quá trình công tác, diễn biến tiền lương, việc chưa nhận trợ cấp thôi việc, trợ cấp một lần báo cáo Bộ, ngành chủ quản ở Trung ương hoặc Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác nhận và có văn bản gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xem xét, quyết định. Quá trình tham gia tố tụng, đại diện Bảo hiểm xã hội thành phố H cũng thừa nhận về chế độ chính sách để tính bảo hiểm xã hội cho ông Hoàng Anh T không có gì vướng mắc, chỉ có thủ tục hồ sơ, giấy tờ của ông là không hợp lệ nên Hội đồng xét xử kiến nghị cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố H tiếp tục hoàn thiện hồ sơ giải quyết quyền lợi bảo hiểm xã hội cho ông T theo qui định tại khoản 4 Điều 139 Luật Bảo hiểm xã hội 2006 và khoản 7 Điều 23 Nghị định 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ để đảm bảo quyền lợi của người tham gia bảo hiểm xã hội.

[11] Ông Hoàng Anh T là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện là ông Hoàng Anh T, giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 197/2019/HC-ST ngày 28/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố H.

2. Ông Hoàng Anh T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND thành phố H;*
- *VKSND thành phố H;*
- *Cục THADS thành phố H;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ);*
- *Lưu HS, HCTP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Mai